

Bàn tròn "đạo Phật dân thân"
tại Trúc Lâm Thiền Viện, Villebon Sur Yvette,
ngày chủ nhật 10/1/2016

Phong trào Chấn hưng Phật Giáo tại Việt Nam và tại các nước Trung Quốc, Nhật Bản.

Lại Như Bằng
(Phiên bản 19/04/2016)

Ngày 11 tháng 6 năm 1963, ngọn lửa Thích Quảng Đức bùng lên chấn động lương tri toàn cầu, soáy tận đáy lòng mỗi người dân Việt, khởi đầu một chuỗi biến cố dẫn đến sự sụp đổ của một chế độ dùng kỳ thị tôn giáo làm chính sách cai trị. Nhưng, ngoài những ý nghĩa chính trị của hành động, ngoài ý nghĩa là biểu tượng của một sự hy sinh tuyệt đối, một hình thức đấu tranh bất bạo động của người Phật tử Việt Nam, ngọn lửa Thích Quảng Đức cũng là một câu trả lời cho một vấn nạn do nhà văn Hải Triều, một người ngoại đạo, đặt ra cho người Phật tử cách đó hơn 30 năm:

"Ngồi xếp chân vòng tròn, tay lần tràng hạt để suy nghĩ những lẽ đâu đâu về trời đất, về luân hồi, đó là công việc hằng ngày của họ.(..)Trí thức của tín đồ nhà Phật xa cuộc đời thực tế nên chỉ có những sự hiểu biết khô khan, cùng những điểm suy nghĩ vơ vẩn không bao giờ giúp họ làm nên việc gì. Và họ có muốn làm việc đâu ? (...) Cái gốc của mọi sự hành động là lòng ham muốn, mà họ tìm cách để diệt lòng ham muốn, cho dầu lòng ham muốn chính đáng cũng vậy".

"Sống trong thời đại này, thanh niên nước ta không thể lười được nữa, không thể đứng trên mấy tầng mây, vòng tay nhìn những con phong ba dữ dội đang rung động hoàn cầu. (...)"¹

Đâu là con đường đã đưa đạo Phật Việt Nam, từ tình trạng yếu kém lạc hậu, bị người ngoại đạo coi thường, phê phán nặng nề, chuyển mình đi đến thực tại 1963 bùng bùng khí thế ?

Đây là mục tiêu của bài này.

Lấy phong trào tại Việt Nam làm trung tâm , bài gồm 3 phần, sẽ duyệt lại lịch sử các phong trào chấn hưng Phật Giáo tại Việt Nam, tại Nhật Bản và tại Trung Quốc, trong nửa đầu thế kỷ thứ 20.

Phần I- Bối cảnh sinh ra của phong trào chấn hưng Phật Giáo tại Việt Nam

Phần II - Phong trào chấn hưng Phật Giáo tại Trung Quốc và Nhật Bản.

Phần III- Diễn biến Phong Trào chấn hưng Phật Giáo tại Việt Nam và một số nhân vật tiêu biểu.

¹ Trần Văn Giàu : *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng tám - Tập II* , NXB KHXH , Hà Nội , 1975 , tr 284

Phần I- Bối cảnh sinh ra của phong trào chấn hưng Phật Giáo tại Việt Nam

Phần này có 3 mục

- 1- Trước thế chiến thứ nhất, sĩ phu Việt Nam đã ý thức được nhu cầu cần đổi mới xã hội
- 2- Sau thế chiến thứ nhất, tình hình sôi sục tranh luận trong xã hội Việt Nam
- 3- Những vấn đề đặt ra cho người Phật tử trong bối cảnh đó.

1- Trước thế chiến thứ nhất, sĩ phu Việt Nam đã ý thức được nhu cầu cần đổi mới xã hội

Năm 1897, phong trào "Cần Vương" xem như tan rã . Kể từ nay, ngoại trừ một vài cuộc nổi dậy không quan trọng, toàn cõi Đông Dương đã được bình định, người Pháp bắt đầu khai thác thuộc địa một cách có hệ thống hơn, triệt để hơn trước.

Để củng cố guồng máy cai trị, người Pháp **chuyển hướng nền học chính nho học sang nền học chính tây học**, thi cử bằng chữ Nho bị bãi bỏ, thay thế bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

Tại Nam Kỳ, kể từ 1882, theo nghị định của thống đốc Nam Kỳ, tất cả các văn kiện hành chính đều phải viết bằng chữ quốc ngữ. Sau năm 1915 tại Bắc Kỳ và 1918 tại Trung kỳ các khóa thi Hương không còn được tổ chức nữa. Khóa thi Hội cuối cùng được tổ chức vào năm 1919.

Vai trò lãnh đạo chính trị và tư tưởng của nho giáo từ từ giảm thiểu. Ý thức được sự bất lực của mình, giới Sĩ phu thấy cần phải tìm một con đường khác, phải theo gương nước Nhật, đổi mới toàn bộ, phải tiếp thu tư tưởng , kiến thức và kỹ thuật của Tây phương .

Phan Bội Châu cùng các đồng chí trong hội Duy Tân khơi động phong trào Đông Du, đưa người qua Nhật du học . Lương Văn Cang, Nguyễn Quyền.... thành lập trường "Đông Kinh Nghĩa Thục", nhằm mở mang dân trí, khuyến khích đổi mới, từ bỏ cách học từ chương, phát triển tinh thần yêu nước, khuyến khích kinh doanh, phát triển báo chí. Chữ quốc ngữ được khuyến khích.

Trong giai đoạn này, người biết chữ Pháp tuy có nhưng còn tương đối ít, để tiếp cận tư tưởng phương Tây , sĩ phu Việt Nam thường phải tìm đọc các "tân thư" , "tân văn" từ Trung Quốc đưa qua, là những sách báo phương Tây được dịch ra chữ Hán, hay các bài văn chữ Hán, quảng bá tư tưởng đổi mới, cách mạng.

Năm 1908, sau vụ chống thuế ở Trung kỳ (tháng 3 năm 1908) và vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội (tháng 6 năm 1908) , người Pháp thẳng tay đàn áp và , kể từ năm 1908, tất cả các phong trào trên tan rã.

Tuy nhiên, một đội ngũ **trí thức Tây học** từ từ thành hình, thay thế tầng lớp **sĩ phu cũ**. Chữ quốc ngữ trở thành phổ thông, thay thế chữ Nho trong đời sống hàng ngày.

Về mặt chính trị, điều đáng chú ý là việc chuyển đổi tư tưởng của Phan Bội Châu , kể từ năm 1912, từ đường lối chủ nghĩa quân chủ sang chủ nghĩa dân chủ .

Năm 1914, thế chiến thứ nhất bùng nổ, kéo dài cho đến năm 1918.

2-Sau thế chiến thứ nhất, tình hình sôi sục tranh luận trong xã hội Việt Nam.

Sau thế chiến thứ nhất, nhịp độ đổi mới bỗng chuyển động nhanh và mạnh.

Nho giáo chìm dần trong lãng quên, giới trí thức trẻ Tây học đã trưởng thành, có thể tiếp cận thẳng tư tưởng phương Tây. Những người lính thuộc địa (gần 75000 người)² được đưa sang Pháp tham gia chiến tranh thế giới thứ I, khi trở về là những nhịp cầu tây hóa. Sách báo bằng chữ quốc ngữ càng ngày càng phổ biến, tin tức từ Pháp, từ Trung Quốc, từ Nhật Bản, từ quốc tế tràn vào ào ạt... Một cuộc "cách mạng thông tin" bùng ra tại Việt Nam.

Tình hình đấu tranh tư tưởng giữa các khuynh hướng chính trị, văn hóa náo nhiệt hơn bao giờ hết. Cuộc tranh luận giữa Mới và Cũ, Đông và Tây, nổ ra trên mọi địa hạt: văn thơ, chính trị, xã hội... Các tổ chức chính trị, văn hóa theo khuôn mẫu phương tây đua nhau ra đời, ra sức tập hợp quần chúng, tuyên truyền, viết báo, báo bằng chữ quốc ngữ, báo bằng chữ Pháp.

Năm 1917, trên báo Nam Phong, Phạm Quỳnh giới thiệu Descartes và dịch "Phương pháp luận" ra tiếng Việt (Nam Phong, các số từ tháng 7 đến tháng 11/1917). Năm 1925, Tiểu thuyết "Tổ Tâm" của Hoàng Ngọc Phách đánh dấu bước ngoặt đầu tiên của bầu không khí văn học Việt Nam.³ Năm 1932, Nguyễn Tường Tam với tờ báo Phong Hóa (từ số 14) đấu tranh nhằm "Âu hóa" xã hội. Phan Khôi mở màn cho thể loại thơ mới với bài thơ "Tình già" trên báo Phụ nữ Tân văn.

Vào năm 1930, Việt Nam Quốc Dân Đảng khởi động tổng khởi nghĩa trên toàn quốc nhưng thất bại, và cùng năm đó Đảng Cộng Sản Việt Nam được thành lập.

Về mặt tôn giáo, năm 1926 Đạo Cao Đài ra đời, kết hợp tín ngưỡng đông, tây, Phật, Lão, Thiên Chúa Giáo, Hồi giáo, Victor Hugo, Tôn Dật Tiên... trong cùng một Đạo.

3 - Những vấn đề đặt ra cho đạo Phật trong bối cảnh đó:

Đạo Phật là một thành phần cơ bản của nền tư tưởng Việt Nam. Đạo Phật lại là đạo của đa số người Việt. Trong bối cảnh sôi sục đó, Đạo Phật đương nhiên bị lôi vào cuộc tranh luận, và phải đối đáp trả lời **những câu hỏi xưa nay hiếm khi tự mình trực tiếp đặt ra**, thí dụ như: "Có thượng đế hay không?", "Duy tâm duy vật", "Linh hồn bất tử", "vô thần hay hữu thần"... Dựa trên giáo lý nhà Phật để trả lời thì cũng dễ thôi, nhưng đây không phải là những câu hỏi cơ bản của đạo Phật. Với đạo Phật, "có Thượng đế hay không" chẳng có gì quan trọng, chẳng cần phải để tâm thắc mắc. Tuy vậy, khi những câu hỏi này trở thành thời thượng thì những người Phật tử cũng không thể làm ngơ!

Khía cạnh mà **đạo Phật bị phê phán nặng nhất**, là **vai trò trong đời sống xã hội**, đạo Phật bị chê là **yếm thế, thụ động, thiếu tổ chức**.

² Trong thế chiến thứ nhất, 93 141 người dân Đông Dương (78 % là người Việt, 22% Chăm Pu Chia) được đưa vào chiến trường Âu Châu: theo Colonel Maurice RIVES - "Les militaires indochinois en Europe (1914-1918)" - http://www.anai-asso.org/NET/document/anai/historique/les_militaires_indochinois_en_europe_19141918/index.htm

³ "Từ Bắc đến Nam, không ai không biết đến Tổ Tâm. Có nhiều bạn gái học thuộc lòng cả quyển sách nữa" (Theo Thạch Lam, Hà Nội, 1940)

Nhà văn Mác Xít Hải Triều , với lòng tin tôn giáo về chân lý của mình, xuống bút, phán:

"Một tôn giáo tự nhận cái trọng trách cứu đời mà sau 2500 năm , người đời còn phải kỳ cục tìm xem người xưa nói gì ! Nếu loài người có chịu khó chờ đạo Phật cứu, thì e cũng không có thì giờ mà chờ "

"Bằng vào đạo Phật thực hành, thì rõ ràng mục đích của tín đồ nhà Phật là hiểu biết, là giác ngộ vậy. Ngồi xếp chân vòng tròn, tay lần tràng hạt để suy nghĩ những lẽ đâu đâu về trời đất, về luân hồi, đó là công việc hằng ngày của họ.(..)Trí thức của tín đồ nhà Phật xa cuộc đời thực tế nên chỉ có những sự hiểu biết khô khan, cùng những điểm suy nghĩ mơ vẫn không bao giờ giúp họ làm nên việc gì. Và họ có muốn làm việc đâu ? (...) Cái gốc của mọi sự hành động là lòng ham muốn, mà họ tìm cách để diệt lòng ham muốn, cho dầu lòng ham muốn chính đáng cũng vậy".

(...)

"Sống trong thời đại này, thanh niên nước ta không thể lười được nữa, không thể đứng trên mây tầng mây, vòng tay nhìn những cơn phong ba dữ dội đang rung động hoàn cầu. Chúng ta phải dẫn mình vào cơn sóng gió, cũng vui buồn, cũng lo sợ, cũng đau khổ như mọi người. Một dân tộc thờ chủ nghĩa vô vi ở thời đại này, thực là đưa mình vào cõi chết".

(...)

"Chúng tôi không đứng về phương diện siêu hình học, chúng tôi chỉ đứng về phương diện xã hội"

(...)

"Cái thuyết siêu hình học của đạo Phật hoặc là một thuyết đúng với chân lý cũng nên; nhưng đúng hay không đúng, chúng tôi không cần biết, chúng tôi chỉ biết cái đạo Phật có người tin, có người theo.. Một đạo lý dẫu hay mà chưa hề có ai tin theo thì đối với xã hội cũng như không có." ⁴

Trước những lời lẽ gay gắt như vậy, người Phật tử thời đó phải đối phó như thế nào?

1 - Nếu đi sâu về mặt triết lý , tư tưởng thì trả lời không khó. Và đã có những người Phật tử đứng ra gánh vác chuyện đối đáp này, như những bài trên báo Viên Âm ở Huế ⁵, trên báo Đuốc Tuệ ở Hà Nội vào những năm 1935-1936 (Mời đọc các trích đoạn trong : Nguyễn Lang : *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận - III* , NXB Văn Học, Hà Nội, 1994, tr 27).

Hơn nữa, về mặt lịch sử, cũng có người đặt câu hỏi không lẽ những tướng lĩnh nhà Lý nhà Trần, như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, vốn là Phật tử thuần thành, đều lười cả sao ? Những lời lẽ trong một cuộc tranh luận chắc chắn không nhiều thì ít cũng mang tính chủ quan, với nhiều giả thuyết võ đoán, xỏ xiên. Nhưng những dữ kiện lịch sử thì chắc chắn là những thực tế khách quan, đánh Tồng phá Nguyên ai giám cả gan nói là chuyện không có ?

⁴ Trần Văn Giàu : *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng tám - Tập II* , NXB KHXH , Hà Nội , 1975 , tr 284

⁵ Nguyễn Lang : *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận - III* , NXB Văn Học, Hà Nội, 1994, tr 27

2 - Nhưng vấn đề Hải Triều ⁶ muốn đặt ra không phải là chuyện lịch sử, và có lẽ Hải Triều cũng muốn lờ đi chuyện đó. Ông ta chỉ muốn nói chuyện ngày nay, Phật giáo còn hay không còn, có hay không có ? Nhưng tại sao lại đặt vấn đề có hay không có người tin, khi mà người ta rầm rập đi chùa mừng một, ngày rằm? Thực ra, với Hải Triều, vốn là một người dân thân đấu tranh chính trị, chỉ biết lý lẽ của tương quan lực lượng, thì chỉ khi thành tổ chức, với tác động có ý thức lên xã hội, mới được gọi là có. Không có cái cá nhân, chỉ có cái tập thể. Ở đây Hải Triều nghĩ đến khả năng của đạo Phật để cải tạo xã hội, như là một "**lực lượng xã hội**", có thể là một **phong trào cải cách** lôi cuốn quần chúng, thay đổi tương quan trật tự trong xã hội, có thể là một **tổ chức đấu tranh**, đem sức mạnh áp đặt hệ thống tư tưởng của mình lên tổ chức xã hội, nói theo ngôn ngữ ngày nay là "đấu tranh chính trị".

Nhìn vào thực tại của đạo Phật đầu thế kỷ 20 thì quả thực có yếu kém, những bậc chân tu cũng có, nhưng tăng sĩ phần nhiều chỉ lo cúng kiếng, giáo lý chẳng được chuyên tâm. Về mặt tổ chức thì mạnh sơn môn nào lo sơn môn ấy. Trong một xã hội đang chuyển biến cực nhanh, đang kỹ nghệ hóa, đang mở cửa ra thế giới, mà hình thức tổ chức của đạo Phật vẫn còn là hình thức của một thời xa xưa, hình thức "làm ăn cá thể" !

Về đấu tranh chính trị thì vào thời đó Phật giáo chưa làm, nhưng sau này, vì bị chèn ép, Phật giáo Việt Nam đã xuống đường, tự thiêu, đòi bình đẳng tôn giáo. Khi không thể đứng, Phật giáo Nhật Bản cũng đã bạo động để tự vệ. Phật giáo Trung Quốc cũng đã tổ chức đấu tranh dưới nhiều hình thức khác nhau. Đây là chuyện của hồi sau !

Tuy nhiên vấn đề "đạo giáo và chính trị" luôn luôn là một vấn đề tế nhị, dù ở phương Đông hay ở phương Tây cũng thế. Có nên để các giáo hội can thiệp vào việc trị nước ? Đây là giới hạn không nên vượt qua ?

Nói tóm lại, vào thời đó, những người trí thức Phật tử được đào tạo theo học thuật tư tưởng tây phương cũng đã khá đông, lại gặp những thách thức về mọi mặt dồn dập đưa tới, thách thức về tư tưởng, về vai trò xã hội, về tổ chức ..., hơn nữa, chính người Tây, từ đầu thế kỷ, đã bắt đầu nghiên cứu văn hóa nghệ thuật Việt Nam đưa đến trao đổi tư tưởng hai chiều Tây-Việt, **các nhân tố cần thiết đã hội đủ**, sẵn sàng, phong trào chấn hưng đạo Phật **đương nhiên** phải ra đời.

Vào "*những năm 1923, 1924, trên tờ Đông Pháp thời báo (ở Sài Gòn) có đến mấy chục bài viết về "Phật giáo lược khảo", trong đó người viết đặt ra cho các nhà trí thức nhiệm vụ góp phần "chinh đốn Phật giáo trong xứ"*". ⁷

⁶ Hải Triều: Nhà văn Mác Xít, đồng đội quan Nội tán Nguyễn Khoa Đăng. Cha là Dân biểu Trung Kỳ Nguyễn Khoa Tùng, mẹ là nhà thơ Đạm Phương, tên thật Tôn Nữ Đồng Canh, cháu nội vua Minh Mạng.

⁷ Trần Văn Giàu : *Sđd* , tr 230

Phần II - Các phong trào chấn hưng Phật Giáo tại Nhật Bản và Trung Quốc

Thực ra Phong trào "Chấn hưng Phật giáo" là một phong trào có tính cách quốc tế, xảy ra trên nhiều nước vào đầu thế kỷ 20, như Tích Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, Miến Điện...

A. Tích Lan

Tính về thời gian xuất hiện thì ta có thể nói khởi đầu là tại **Tích Lan**, Ông David Hewavitarane (1864-1933) , người Tích Lan, sau này xuất gia thành Đại Đức Dharmapala, đã vận động trùng tu những Phật tích quan trọng ở Ấn Độ, Lập hội Mahabodhi Society, xuất bản tạp chí Phật học, thành lập trung tâm Phật học và tu viện Phật giáo (cuối thế kỷ 19-đầu thế kỷ 20). Năm 1908, Dharmapala viết thư liên lạc với cư sĩ Dương Nhân Sơn (1837-1911) ở Trung Hoa để mời cộng tác.⁸

B. Nhật Bản

Tại **Nhật**, vào những năm đầu của triều đại Minh Trị, chính quyền muốn lấy thần đạo làm quốc giáo, xem Phật giáo là ngoại lai nên có phân kỳ thị, chèn ép. Tại một số phiên trấn, tượng Phật , pháp khí, kinh điển bị vất bỏ, chùa chiền bị phá hủy, tăng lữ bị bắt hoàn tục.⁹ Những biện pháp này đưa đến phản ứng quyết liệt của dân chúng địa phương tại một số vùng chịu ảnh hưởng mạnh của tông phái Phật Giáo Chân Tông (Các năm thứ 4, thứ 5, thứ 6 Minh Trị, tại Tam Hà Đại Tân, Tín Việt, Việt Tiên, Đại Dã, Kim Lập, Bản Tỉnh v.v... đều có bạo động).¹⁰

Vào cuối thế kỷ 19, phần vì chính sách ngoại giao đối với các nước Đông Nam Á, phần nhiều theo đạo Phật, phần muốn chống lại Thiên Chúa Giáo, Phật giáo được phục hồi.

Các Phật tử dựa thời cơ tạo ra một phong trào hộ pháp , với 3 phương châm :

- 1- Đào tạo tăng tài, nâng cao giới hạnh của tăng chúng, xóa bỏ so đo hơn thua giữa các tông phái, xây dựng cơ sở giáo dục phổ thông và chuyên môn.
- 2- chứng minh rằng Phật giáo có lợi cho quốc gia
- 3- Đề thích ứng với văn hóa âu tây mới du nhập và để chống lại sự phát triển của đạo Thiên Chúa, thay đổi cách học Phật, nghiên cứu Phật Giáo một cách hợp lý.

Về chấn chỉnh tổ chức, các tông phái gửi người sang Âu Mỹ để học hỏi phương pháp nghiên cứu , học chữ Sanskrit, chữ Pali, qua Ấn độ thăm Phật Tích... Kinh điển cổ chữ Hán được in ấn lại, được dịch sang tiếng Nhật từ chữ Hán, từ chữ Sanskrit và chữ Pali. Nhờ những ấn bản này mà Cư sĩ Văn Hùng (Nhật Bản) đã giúp cư sĩ Dương Nhân Sơn (Trung Quốc) khôi phục lại được những Phật điển

⁸ Nguyễn Lang : sđd , tr 19

⁹ Pháp sư Thánh Nghiêm : "Lịch sử Phật Giáo Thế Giới " Tập II - tr 622

¹⁰ Pháp sư Thánh Nghiêm sđd, tr 623

Trung Quốc đã bị mất trong thời loạn Thái Bình Thiên Quốc. Nhiều trường Phật Giáo được thành lập ở những cấp độ tiểu học, trung học và đại học.

Hàng loạt hội đoàn, tông phái mới ra đời. Đến năm 1915, các hội đoàn tông phái cùng liên kết thành lập "Hội liên hiệp Phật giáo".

Mỗi tông phái có một đường lối khác nhau trong việc "đem đạo vào đời".

Về từ thiện xã hội, tăng sĩ Tịnh Độ tông Shiio Benkyo (1876-1971) khơi động phong trào Kyosei (Hội Cộng Sinh). Dựa lên đạo lý duyên khởi, ông giải thích rằng người ta nên nhận biết sự cứu độ của Phật A-di-đà là ở trong xã hội và đời sống hàng ngày. Nhiều tăng sĩ tịnh độ, hưởng ứng phong trào, xây dựng những trung tâm bảo dưỡng hay trường học trong khuôn viên chùa hoặc tham gia vào những hoạt động xã hội khác.

Về chính trị, Giáo phái Soka Gakkai (Sáng Giá Học Hội) đã có lập trường chống chiến tranh trong Thế chiến thứ hai, và sau này thành lập đảng Komei (Đảng Công Minh), tham gia chính quyền. Tuy nhiên, khi phát triển tại nước Pháp, Soka Gakkai bị xem là một tà phái (secte), bị tố cáo là nghi lễ và phong cách tu hành niệm chú có tính cách làm mê hoặc quần chúng.

Nói chung, đặc điểm của Phật Giáo Nhật Bản là thực tiễn, trực tiếp hành động, lời nói đi đôi với việc làm, không đưa ra những tuyên ngôn to lớn nhưng trống rỗng trong ruột.

C - Trung Quốc,

1-Phong trào chấn hưng Phật Giáo Trung Quốc:

Sau loạn Hồng Tú Toàn (1850-1864) còn gọi là loạn Thái Bình Thiên Quốc, chùa chiền bị phá hủy, kinh điển bị thiêu hủy, thất lạc, **cư sĩ Dương Nhân Sơn** (1837 - 1911) đứng ra vận động thành lập cơ sở khắc kinh Kim Lăng ở Nam Kinh, kêu gọi Phật tử góp sức nghiên cứu Phật học qua Hán văn, Anh văn và Pali, xây dựng Kỳ Hoàn Tinh xá làm nơi đào tạo tăng tài. Thái Hư Đại sư từng được đào tạo nơi đây. Cộng tác với Dương Nhân Sơn có Âu Dương Tiềm (1871-1943), Mai Quang Hy (cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX), Thích Nhân Sơn (1887 - 1951). Những vị sau này đều trở thành rường cột của nền chấn hưng Phật giáo Trung Quốc.¹¹

Cuối đời Thanh, văn hóa Tây Phương bắt đầu xâm nhập vào Trung Quốc. Các tư tưởng cách mạng càng ngày càng phát triển, càng tích cực. Cuối thế kỷ thứ 19, đầu thế kỷ 20, Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu ra báo, lập "cường học hội" đấu tranh đòi cải cách, đổi mới, giới thiệu sách Âu Tây đã được dịch qua chữ Hán.

Vào khoảng năm 1917, tại Trung Quốc, Tờ báo "Tân Thanh Niên" do Trần Độc Tú¹² và Ngô Nhu chủ trương truyền bá tư tưởng cách mạng xã hội, đả phá tư tưởng Nho Giáo, cải cách chế độ gia tộc để giải phóng con người. Phật giáo tuy có bị đả kích nhưng chỉ là gián tiếp.

¹¹ Nguyễn Lang : sdd , tr 19

¹² Trần Độc Tú là Tổng Bí thư đầu tiên của Ban Chấp hành trung ương Đảng CS Trung Quốc (1921), sau này bị đánh giá là có đường lối cơ hội hữu khuynh nên bị mất chức (1927) và năm 1932 bị khai trừ khỏi đảng.

Vào năm 1928, Thái Sản Thu, giáo thụ trường Đại học Giang Tô khởi xướng ra tư tưởng "Miếu sản hưng học", chủ trương "đả phá giai cấp tăng phiệt, (...) tịch thu tài sản của tự viện bổ sung vào sự nghiệp giáo dục".

Dưới sức ép của phong trào "Miếu sản hưng học", Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc ban bố điều lệ "Tự miếu đăng ký" để điều tra tài sản của chùa miếu, sau đó lại ra sắc lệnh để xét xem chùa miếu, cái nào cần giữ lại, cái nào phải phá đi, mục tiêu đưa ra là để bài trừ mê tín dị đoan.

Phật giáo Trung Quốc trong giai đoạn này gặp nhiều khó khăn .

Các Phật tử phải tự tổ chức tìm phương cách chống đỡ. Năm 1911, Thái Hư Đại sư, cùng pháp sư Nhơn Sơn, thành lập "**Hội Trung Quốc pháp giáo Hiệp Tiến**" tại Nam Kinh. Năm 1912, có Thiền Sư Kính An quy tụ tăng tục hai tỉnh Giang Tô và Triết Giang thành lập hiệp hội "**Trung Quốc Phật Giáo Tổng Hội**" ngay tại Thượng Hải. Đến năm 1913, lại có TS Đạo Giai và Hải Thanh tổ chức "**Trung Ương Phật Giáo Công Hội**" tại Bắc Kinh.

Nhưng những tổ chức này không tồn tại được lâu.

Năm 1929, Thái Hư Đại sư kết hợp với Thiền Sư Viên Anh thành lập "**Trung Hoa Phật Giáo Hội**" do TS Viên Anh làm hội trưởng, bên cạnh có Thái Hư Đại sư, các TS Ấn Quang, Đệ Nhân, Đạo Giai, Cư sĩ Vương Nhất Đình (đại diện tổ chức "Thế giới Cư sĩ Lâm" ở Thượng Hải), cư sĩ Âu Dương Tiêm (xuất thân từ "Chi Na Nội học viện") v.v...

Phân hội của hội cũng đặt tại những quốc gia có đông đảo Hoa kiều như Tân Gia Ba, Ngưỡng Quảng, Nam Dương, Vọng Các, Đài Loan v.v...

Do cuộc đấu tranh của Trung Quốc Phật Giáo Hội, năm 1931, chính phủ Trung Quốc mới hạ lệnh bảo vệ tài sản của tự viện và làm giảm thiểu sự bài xích Phật Giáo.

2-Thái Hư Đại sư .

Nhân vật tiêu biểu cho cuộc chấn hưng Phật Giáo tại Trung Quốc là **Thái Hư Đại sư** (1889-1947). Sinh quán tại Tỉnh Triết Giang, xuất gia năm 16 tuổi, ngài chịu ảnh hưởng cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Tôn văn v.v...

Năm 1911, lúc đó Ngài được 24 tuổi. Tại Thượng Hải, giữa buổi lễ truy điệu hòa thượng Ký Thiền tuần giáo vì vận động Phật Giáo, "vừa long trọng, vừa đau khổ, vừa tức bực, Ngài công bố ba điểm : Chính trang giáo lý, Chính trang giáo chế, Chính trang giáo sản". Ngài nói:

"Giáo lý Phật giáo cần có một hình thức mới để có thể thích ứng với xu hướng tư tưởng trong thời hiện đại, và không nên bảo thủ để chữa trị những căn bệnh mới.

Thứ hai, những tổ chức Phật giáo, đặc biệt là hệ thống Tăng lữ, phải nên cải cách.

Thứ ba, về tài sản của các chùa viện, nó nên là tài sản chung của tất cả Tăng sĩ, loại trừ tập quán xấu về việc tư hữu dựa trên chùa viện truyền thừa. Chúng ta cần

sử dụng tài sản để hỗ trợ những vị Tăng niên trưởng đức độ, đào tạo những vị Tăng trẻ tuổi có triển vọng, và bắt đầu những hoạt động Phật sự khác nhau." ¹³

Năm 1915, Đại sư soạn bộ "**Chỉnh lý Tăng già chế độ luận**". Phong theo chủ thuyết "Tam dân" của Tôn Dật Tiên ("Dân Tộc", "Dân quyền", "Dân sinh"), Đại Sư đề ra "Tam Phật chủ nghĩa" là "Phật Tăng", "Phật Hóa", và "Phật Quốc". "Phật tăng chủ nghĩa" là cải tạo giáo đoàn, bài trừ ngu tăng, đào tạo tăng tài, "Phật hóa chủ nghĩa" và "Phật quốc chủ nghĩa" là lấy Phật Giáo làm căn bản giáo hóa dân gian, phổ biến Bồ tát hạnh để tạo thành một Phật Quốc tịnh độ.

Thiền sư Thái Hư xuất bản Tạp chí Giác Xã năm 1918, sau đổi thành nguyệt san Hải Triều Âm.

Năm 1924, Ngài tổ chức một "Đại hội Phật giáo Liên hiệp thế giới" tại chùa Đại Lâm.

Vài năm sau, Ngài hướng dẫn phái đoàn Phật giáo Trung Hoa đi Nhật tham dự "Đại hội Phật Giáo Đông Nam Á".

Năm 1928, ngài sang Âu Mỹ hoằng Pháp và lập "Phật học uyên" ở Paris.

Năm 1929, Thái Hư Đại sư kết hợp với TS Viên Anh thành lập "Trung Hoa Phật Giáo Hội"

Năm 1939 , Đại sư đứng ra tổ chức một đoàn Phật giáo Trung Hoa, xuất ngoại hoằng pháp khắp tất cả các nơi: Miến Điện, Ấn Độ, Nam Dương, Tích Lan v.v... dựa trên hậu thuẫn của các tổ chức Hoa Kiều.

Để chấn chỉnh tổ chức và đào tạo tăng tài, Ngài đã Thành lập "Kim Lăng Học Đường" ở Nam Kinh (1922), "Võ Xương Phật học viện" ở Võ Xương, "Mân Nam Phật học viện" ở Hạ Môn, "Thế giới Phật học uyên đồ thư quán" phụ thuộc Võ Xương Phật học viện, "Thế giới Phật học uyên hán tạng giáo lý viện" ở chùa Tấn văn Trùng Khánh, "Thế giới Phật học uyên Tịnh độ lâm" ở chùa Đại Lâm Lư Sơn, "Thế giới Phật học uyên Truyền quán" ở chùa Tuyết Đậu Phụng Hóa, "Luật nghi viện" ở chùa Khai Phong...

Năm 1947, Thái Hư Đại sư viên tịch.

Phật Giáo Trung Quốc thời xưa có ảnh hưởng rất lớn tại Đông Nam Á. Tại các nước theo Nho học như Nhật Bản, Việt Nam, Triều Tiên ... , nhiều tông phái lớn có nguồn gốc tại Trung Quốc, như các tông phái Tịnh Độ, các tông phái Thiền Lâm Tế, Tào Động v.v...

Cuối thời nhà Thanh, hết loạn Thái Bình Thiên Quốc đến sự kỳ thị của các chính phủ và tổ chức cách mạng, rồi chiến tranh Trung Nhật, chiến tranh Quốc Cộng ... Phật giáo gặp nhiều điều kiện khắc nghiệt, có khi bị đàn áp, nên suy yếu dần.

Những người Phật tử Trung Quốc, như cư sĩ Dương Nhân Sơn, Thái Hư Đại sư , đã dấn thân đấu tranh bảo vệ đạo Pháp, cố gắng chấn chỉnh tăng già, cố gắng khôi phục lại phần nào vị trí của mình trong phong trào Phật giáo thế giới. Nhưng thời cuộc đã không cho phép họ thực hiện lý tưởng. Các cuộc xuất ngoại thuyết pháp

¹³ xem :

- Thích Nhật Quang: "*Tiểu sử Đại sư Thái Hư (Theo Hải Triều Âm Xã)*" , <http://quangduc.com>

- Ngụy Đạo Nho : "*Phật giáo Trung Quốc và Xã hội hiện đại: Vai trò của Thái Hư Đại Sư và HT Ấn Thuận*" - Nguyễn Hiệp dịch (<http://thuvienhoasen.org>)

của Đại sư chỉ có ảnh hưởng về chiều rộng, không về chiều sâu. Đạo Phật Trung Quốc ngày nay chỉ còn loé sáng tại một vài nơi như Đài Loan, hay tại những địa phương đông đảo Hoa Kiều.

Về cứu tế, các hội Phật Giáo ở các địa phương thường lập ra cô nhi viện, dưỡng lão viện, bệnh viện ...

Gần đây, trên mạng lưới điện tử có một số người khẳng định ảnh hưởng của Thái Hư Đại sư lên Phong trào chấn hưng đạo Phật ở Việt Nam, có người lại còn cường điệu tuyên bố rằng các Hòa Thượng Phước Huệ và Cư sĩ Lê Đình Thám "do đọc sách của Thái Hư mà phát động Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam".

Khẳng định quá dễ, nhưng nếu phân tích được xem ảnh hưởng như thế nào thì vẫn hay hơn, vẫn cho thấy rõ thực hư hơn! Không lẽ, không có Đại sư là không có phong trào chấn hưng ở Việt Nam sao? Quả thật, khẳng định như vậy, nếu không phải là hậu duệ đệ tử của Đại sư, muốn tô vẽ thêm cho thầy mình, sẽ không tránh khỏi mang tiếng nặng đầu óc vọng Hán.

Hải Triều, nhà văn, người đương thời, vốn chẳng có cảm tình gì đặc biệt với đạo Phật, lại thường tham gia tranh luận kịch liệt trên báo chí với các trí thức Phật tử, cũng chưa bao giờ đưa ra loại kết luận lạ lùng như vậy. Đứng ở vị trí khách quan, ông nhận định rằng phong trào chấn hưng thời đó có 3 nguyên do: Lòng tự ái dân tộc, khát vọng một lý tưởng để theo, nạn khủng hoảng kinh tế.

Ta cũng đừng quên là trước đó, năm 1920 Phạm Quỳnh đã viết bài "**Phật giáo lược khảo**" dựa trên tài liệu của người Pháp. Ở trong miền Nam, từ những năm 1920, phong trào chấn hưng đã rục rịch khởi đầu. Một phong trào luôn luôn có nhiều nguyên do, ảnh hưởng qua lại. Lập luận "nguyên nhân đầu tiên" hay "nguyên nhân duy nhất" không phải lập luận của người Phật Tử. Nếu muốn nói đến liên hệ ảnh hưởng gần nhất của phong trào miền Trung thì phải kể tới phong trào chấn hưng ở miền Nam. Ngay từ năm 1923, Thiền sư Khánh Hòa, vốn có liên hệ rất mật thiết với Sơn môn Thừa Thiên, đã bắt đầu khởi động phong trào, và năm 1927 lại gửi người ra miền Bắc bắt liên lạc với các sơn môn ngoài đó, dù không đi đến kết quả nào.

Công cuộc chấn hưng cũng xảy ra trên ba miền Nam, Trung, Bắc chứ không phải chỉ một nơi.

Thực ra, vào những năm 30-40, các hoạt động rầm rộ của Đại sư, nhất là trên mặt quốc tế qua các cộng đồng Hoa kiều, cũng có tiếng vang tại Việt Nam. Tập san Hải Triều Âm cũng như một số bài giảng của Đại sư được giới Phật tử có Hán học tham khảo. Câu đối của Đại sư được gửi tặng các chùa. Tuy nhiên, xét cho nghiêm chỉnh, ảnh hưởng thực sự của Đại sư lên Phong trào chấn hưng tại Việt Nam không được bao nhiêu, và giới hạn nơi những người có Hán học. Thực trạng Phật Giáo Trung Quốc thời đó lại cũng chẳng sáng sủa hơn tình trạng Phật Giáo Việt Nam, nếu không nói là bé tấc hơn. Ta chỉ có thể có vài nhận định như sau:

1 - Ngoài những tuyên bố nguyên tắc chung chung, ngoài vài khẩu hiệu sao lại từ chủ thuyết "Tam dân" của Quốc Dân Đảng Trung Quốc, những biện pháp chính của Thái Hư Đại sư, chắc chắn, trước hết, đều phải nhắm **giải quyết một cách cụ**

thể những khó khăn của tầng già Trung Quốc, mà "cụ thể" tức là "đặc biệt", vì **nếu không sẽ chỉ là sáo ngữ, nói cho oai**, sau những pháp nạn liên tiếp trong mấy chục năm qua: Loạn Thái Bình Thiên Quốc, phong trào "miếu sản hưng học", sự tấn công của các phong trào cách mạng... Chùa chiền bị phá hủy. hay bị tịch thu đổi thành trường học, sư tăng bị bắt hoàn tục, kinh điển bị thất tán ... Cư sĩ Dương Nhân Sơn, một Phật tử nói ít làm nhiều , **cụ thể**, đã âm thầm nhẫn nại tạo cơ sở in ấn kinh sách, đi tìm kinh điển từ bên Nhật về bổ túc những thất tán trong thời pháp nạn, xây dựng Kỳ Đoàn Tinh xá, tại nơi đó Thái Hư được đào tạo.

Thêm một mục tiêu đặc thù khác của Phật Giáo Trung Quốc là làm sao khôi phục lại uy thế ngày xưa của mình tại vùng ảnh hưởng Nho giáo, trong lúc thực lực đã cạn dần. Đại sư đã tạo ra nhiều tổ chức "Thế giới...", tạo ra đoàn xuất ngoại hoằng pháp, ... nhưng "một con én làm sao đem lại mùa xuân" ?

Phật giáo Việt Nam thời đó, **trong cụ thể**, khác với Phật Giáo Trung Quốc chính vì tuy có suy yếu, chưa theo kịp đà phát triển mới của xã hội, nhưng chưa gặp những pháp nạn đó, lại không phải lo chuyện hơn kém thế đứng trên trường quốc tế.

Điều kiện cụ thể khác nhau , tinh thần khác nhau, cần những biện pháp giải quyết khác nhau, khó có thể bắt chước nhau.

2 - Nếu kể các sinh hoạt cụ thể, đương nhiên phải có, của các phong trào Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản thì cả ba phong trào đều có lập hội, tổ chức các lớp đào tạo Tăng Ni, tổ chức cứu tế, xã hội... theo tinh thần mới, theo phương pháp âu tây. Đây là xu hướng phát triển thời đại ! Nếu muốn so đo, thì có lẽ phải xem Nhật Bản là người đi đầu. Việt Nam và Nhật bản còn dịch kinh tạng sang tiếng nói của mình, đầu tiên là từ tiếng Hán, về sau là từ tiếng Pali. Đường hướng phát triển của Việt Nam gần với đường hướng của Nhật Bản hơn.

3 - Thời bấy giờ, trong cơ bản, việc chấn hưng Phật giáo là đổi lối suy nghĩ, đổi lối hành động, là hội nhập tư tưởng Tây Phương vào văn hóa Phật Giáo. Phật giáo Nhật Bản đã gửi người qua Tây Phương học tập.

Việt Nam trong giai đoạn đầu tiên , vì đa số những người đã trưởng thành chỉ biết chữ nho, ít người biết chữ Pháp, nên phải dựa vào "tân thư" , "tân văn" Trung Quốc để tiếp cận tư tưởng phương Tây. Nhưng điều cần lưu ý là "tân thư" "tân văn" chỉ là phương tiện, là bàn đạp để vượt qua, bỏ qua văn hóa Hán, không phải là mục tiêu muốn đạt tới.

Song song, từ đầu thế kỷ thứ 20, **Việt Nam đã tiếp cận trực tiếp hàng ngày với văn hóa Tây Phương rồi** , học hỏi văn hóa Pháp đã đành, nhưng còn tham khảo đạo Phật qua sách báo phương Tây. Từ 1917, Nam Phong giới thiệu văn hóa Pháp, dịch các tác phẩm nổi tiếng Pháp của Descartes, Montesquieu.... Năm 1920, mở đầu bài "*Phật giáo lược khảo*" , Phạm Quỳnh viết : "*...Vậy ký giả muốn tóm tắt sở đắc của các nhà bác học Âu châu (nhất là người Đại Pháp) đã chuyên trị về Phật học, cùng tham bác ít nhiều kinh sách bằng chữ Tàu, mà soạn ra bài lược khảo này...*" (Nam Phong số 40 Octobre 1920).

Chính sách của người Pháp là loại bỏ ảnh hưởng văn hóa Hán thay thế bằng văn hóa Pháp, và người Việt Nam đã chấp nhận đường lối này, xem đây là phương tiện để đi đến tự cường. Năm 1909, trong kỳ thi Hương, trường Hà Nam, dù chủ yếu là thi bằng chữ Hán, nhưng đã có 3 bài luận bằng chữ Quốc ngữ (văn, địa dư, khoa học và tính đố).

Kể từ sau thế chiến thứ nhất, 1920 và về sau, thi cử bằng chữ Hán bị bãi bỏ, thanh niên bỏ chữ Hán, quay sang học chữ Pháp, học viết chữ Quốc Ngữ. Vào những năm cao điểm của phong trào chấn hưng, 1935-1940, thì những người trẻ biết chữ Hán còn rất ít.

Năm 1939, Cư Sĩ Lê Đình Thám viết: *"Tam-tạng kinh điển trong xứ ta toàn là chữ Hán, trong các thời đại Hán học thịnh hành xưa, ai ai cũng có thể đọc nguyên văn, không cần phải phiên-dịch, nhưng ngày nay Hán học đình đốn, bên tai đã vắng nghe những tiếng "Tử viết", thì còn mấy ai đọc được Hán-văn, nên sự phiên-dịch ra quốc-văn đã thành một vấn-đề rất trọng yếu cho nền Phật-giáo tương-lai ở xứ ta."* ("Lời giới thiệu" của tập *"Phật-Giáo Khái-Luận"*, tác giả Cư sĩ Huỳnh Sĩ Phục, Học Tăng Mật Thể dịch, Huế, 1939).

Thời đó, người ta **bỏ văn hóa Hán chuyển sang văn hóa Tây** chứ không đi ngược lại. Và như vậy, theo đà, đạo Phật Việt Nam, từ chỗ bế tắc, hé mở một con đường mới với đội ngũ những người Phật tử trẻ Tây học - là tăng sĩ hay cư sĩ.

4- Phật Giáo Việt Nam triều Nguyễn chịu ảnh hưởng nhiều của Phật Giáo Trung Quốc, kinh điển hoàn toàn bằng chữ Hán, nghi thức là nghi thức sao chép của Trung Quốc, lại tụng niệm hoàn toàn bằng tiếng Hán âm Việt. Về tu hành thì chỉ biết kinh điển đạo Phật Phát Triển, còn gọi là đạo Phật Đại Thừa, coi thường đạo Phật Nguyên thủy, còn gọi là Tiểu Thừa. Hầu hết các chùa chiền Việt Nam đều tụng kinh trích từ quyển Thiên Môn Nhật Tụng đã lưu hành từ rất lâu bên Trung Quốc. Những bài tụng Việt sau này được dịch ra từ đây.

Một trong những mục tiêu chính của công cuộc chấn hưng là làm sao cho quần chúng Phật tử hiểu giáo lý Phật, hiểu kinh. Do đó, bên cạnh các hoạt động đào tạo tăng tài, cứu tế xã hội, hầu hết chú tâm của mọi tổ chức Phật Giáo Việt Nam sau này, là **dịch kinh** từ chữ **Hán sang chữ Việt**, soạn nghi thức **tụng niệm bằng tiếng Việt**, tìm hiểu giáo lý qua sách báo bằng tiếng Việt.

Thầy Mật Thể viết *"Tôi thiết nghĩ: Phật-giáo-truyền qua Việt-Nam ta, đã có cái lịch-sử gần hai ngàn năm, mà sự phiên-dịch kinh điển, dựng thành một nền Phật-Học bằng thứ tiếng bản quốc thật chưa có, đều đó thật đáng buồn! - cũng vì thế mà Phật-giáo ở nước ta thấy cứ ững-trệ mãi."* ("Lời tựa", của tập *"Phật-Giáo Khái-Luận"*, 1939)

Một bước thứ hai nữa, kể từ những năm 1950 trở đi, là dịch thẳng kinh điển từ tiếng Pali sang tiếng Việt, là tiếp cận trực tiếp kinh điển nguyên thủy. Nguồn kinh điển không còn chỉ giới hạn trong Hán Tạng. Phương tiện học Phật được nói rộng.

Ta có thể nói, **con đường** của phong trào chấn hưng tại Việt Nam cũng là con đường đưa đạo Phật Việt Nam **từ từ thoát khỏi sự lệ thuộc** vào đạo Phật Trung Quốc.

Ta cũng thấy một diễn biến tương tự trong phong trào tại Nhật Bản đã đưa Phật Giáo xứ này tách khỏi Phật Giáo Trung Quốc, ít ra cũng về mặt văn hóa. Nhưng cũng phải công nhận là "tinh thần ái quốc" của người Nhật rất mạnh.

5 - **Ảnh hưởng**, nếu có, là việc làm rầm rộ trên mặt quốc tế của Thái Hư Đại sư đã khuyến khích một số Phật tử, và nhất là sư tăng, đầu óc vẫn còn lệ thuộc vào đạo Phật Trung Quốc, chấp nhận chuyển theo phong trào đổi mới, đã và đang nảy nở khắp nơi, ngay tại đất nước mình. Đây là duyên lành phụ trợ, không phải là lực đẩy căn bản.

Với những người như Cư Sĩ Lê Đình Thám, Y Khoa Bác sĩ ngạch Pháp quốc, vốn có lối suy nghĩ, kinh nghiệm làm việc, tổ chức theo lối mới, theo phương Tây, thì sách báo của Thái Hư chắc chắn ích lợi bao nhiêu, giới làm cũng chỉ là tài liệu tham khảo.

Rất có thể là lúc soạn điều lệ cho hội An Nam Phật học, Cư Sĩ Lê Đình Thám có tham khảo trước tác của Thái Hư Đại sư để xem ngài nghĩ sao về vấn đề cải tạo Tăng đoàn. Tham khảo không có nghĩa là sao chép, vì điều kiện ở Việt Nam khác điều kiện Trung Quốc và hơn nữa chưa có gì chứng tỏ rằng Đại sư đã thực hiện được những gì ngài tuyên bố. Xưa nay, giữa lời nói và việc làm, luôn luôn có một khoảng cách. Lời nói càng to lớn thì khoảng cách càng xa. Không phải cứ đưa ra được một khẩu hiệu là trở thành người tiên phong. Cụ thể phải xem đã làm được hay chưa, và làm như thế nào? .

Dù sao, nhìn chung, tình hình xã hội Việt Nam và quốc tế đã khơi động phong trào chấn hưng đạo Phật tại Việt Nam, gần như song song với phong trào tại Trung Quốc. Chung quanh, người ta rầm rộ tổ chức, lập đảng, lập nhóm, ra báo, lập tôn giáo mới, tranh luận, ... văn hóa cũ đang bị lung lay đến tận gốc rễ, trí thức Phật tử ngủ yên được sao? Phật giáo Việt Nam muốn tồn tại thì phải thích ứng với điều kiện mới, nào cần phải một ai từ xa tới thúc đẩy? Có chăng là khi bắt tay vào việc, cũng liếc mắt xem các bạn đạo xứ khác làm gì, tham khảo kinh nghiệm của bạn, tra cứu các trước tác của bạn, cũng như học hỏi kinh nghiệm và trước tác của nhiều người khác, kể cả những người ngoại đạo, kể cả những kẻ không thích gì mình, "học thầy không tày học bạn" là như vậy .

Thời đó, không phải chỉ có Thái Hư, mà hình ảnh của các vị "tân tăng Nhật Bản" cũng lôi kéo sự chú ý của Phật tử Việt Nam... . Nhưng pháp môn này không được phát triển ở Việt Nam vì điều kiện của Phật Giáo Nhật Bản, cũng như của Phật Giáo Trung Quốc, khác điều kiện của Phật Giáo Việt Nam.

Ngoài ra lại còn sách báo nghiên cứu đạo Phật bằng tiếng Pháp, tiếng Anh .

Từ những phát triển nội tại, trong bối cảnh điều kiện khách quan đã kể trên, Phật giáo Việt Nam đã có hai thành quả độc lập đáng chú ý là bộ **Đại Tạng dịch từ tiếng Pali** và **Tổ chức Gia Đình Phật Tử**.

Thực ra, vào khoảng những năm 1930-40, giữa Phật Giáo Trung Quốc với Phật Giáo Nhật bản cũng có xu hướng tranh giành ảnh hưởng trên mặt quốc tế.

Thiền Sư Thiện Chiếu , trong bài "Tại sao tôi cảm ơn đạo Phật ?" (khoảng 1936) có nhắc qua chuyện này :

" Mà cho đến kẻ được tiếng là Phật học cao thâm như Thái Hư pháp sư nước Tàu và Võ Đằng tẩu quân nước Nhật, khi ở Pa-ri, họ cũng ganh ghét nhau vì tranh cái danh dự truyền bá Phật học trước nhất ở châu Âu." ¹⁴

¹⁴ Trần Văn Giàu, sđd tr 290

Phần III- Phong Trào chấn hưng Phật Giáo tại Việt Nam

Thời Pháp thuộc, xứ ta chia làm 3 kỳ.

Nam Kỳ là đất của Pháp. Đất rộng, trù phú, người thưa, dân chúng được xem là thuộc dân của Pháp, người Hoa kiều đông đảo. Nam Kỳ có hai đặc điểm là được tây hóa từ rất sớm và ảnh hưởng của Hoa kiều khá rõ nét thí dụ như tục thờ các vị thần, vị Phật của người Hoa (Thần tài, Quan Công, Thiên Hậu, vị Phật Di lặc mập mạp ...). Sài Gòn là trung tâm thương mại lớn nhất của Đông Dương thời đó. Buôn bán trao đổi nhiều với Pháp, và Trung Quốc.

Trung kỳ và Bắc Kỳ là đất bảo hộ.

Trung Kỳ do triều đình Việt Nam cai trị, nhưng trên thực tế, về ngoại giao, về nhân sự, lệ thuộc hoàn toàn vào người Pháp. Huế là kinh đô của Việt Nam, là nơi bảo tồn văn hóa truyền thống, quần chúng thuần thành đạo Phật.

Bắc Kỳ do người Pháp cai trị trực tiếp. Hà Nội là kinh đô cổ xưa, có thời đã tàn lụi, bừng sáng trở lại khi người Pháp dùng làm trung tâm hành chính của Liên Bang Đông Dương. Các trường Đại học lớn được người Pháp xây dựng tại đây. Hà Nội, vào thời Pháp thuộc, là trung tâm văn hóa của cả nước. Hải Phòng cũng là một cảng buôn bán quan trọng. Tại đây cũng có rất đông hoa kiều.

Những đặc tính tóm lược trên đây sẽ giải thích được phần nào hướng phát triển của các cuộc chấn hưng Phật Giáo tại mỗi miền.

Nói chung, tại cả ba nơi, ưu tiên của các hội Phật giáo là mở lớp học đào tạo tăng tài và ra báo để tuyên dương đường lối.

Sau đó tới những sinh hoạt cứu tế, xã hội, rồi tổ chức thanh thiếu niên.

Tuy nói là đường lối của hội chứ trên thực tế, ngoài các lớp học cho tăng ni, và báo chí được chuẩn bị từ đầu, các sinh hoạt khác thường có tính tự phát cá nhân.

Những vị trong phong trào tùy duyên đứng ra tổ chức, với sự ủng hộ của hội, những sinh hoạt cứu tế, cô nhi viện, thanh thiếu niên... đem những kinh nghiệm thu tập được trong đời sống, nghề nghiệp hàng ngày áp dụng vào việc tổ chức. Một thí dụ điển hình là phong trào gia đình Phật Hóa Phổ mang hình thức tổ chức và sinh hoạt của phong trào Hướng Đạo phi tôn giáo, do hai Hướng Đạo Sinh, con cháu cư sĩ Lê Đình Thám, đề xướng ra.

Chính nhờ vậy mà các hội luôn luôn mang đậm tính thời đại, gắn bó với môi trường sống của mình.

A - Phong trào chấn hưng tại Nam Kỳ

Phong trào chấn hưng tại Nam Kỳ có thể xem là khởi đầu vào năm 1923. Hai người tích cực nhất trong phong trào chấn hưng tại đây là **Thiền sư Khánh Hòa** và **Thiền Sư Thiện Chiếu**.

Họ là những người hết lòng vì đạo pháp, nhưng với tâm tính khác nhau, rất cục, họ đã tách ra theo hai ngã đường khác nhau.

TS Khánh Hòa kiên trì tạo duyên xây dựng tổ chức, đào tạo tăng tài, tránh tranh cãi, thua keo này bày keo khác, phấn đấu cho đến lúc từ giã cõi đời.

TS Thiện Chiếu, hăng say, năng nổ, luôn luôn tìm sự hữu hiệu của hành động trong những ý mới, tổ chức mới, tư tưởng mới, bám sát thời cuộc, nhưng không đạt được kết quả mong muốn, rồi thất vọng, giã từ đạo pháp, đi sang một con đường khác.

Một đặc tính đáng lưu ý của phong trào tại Nam kỳ là sự yếu kém hậu thuẫn về vật chất của quần chúng Phật tử. Nhiều dự án bị bỏ dở hay không tồn tại lâu dài vì lý do tài chính. Muốn tổ chức cô nhi viện mà mới sau một hai năm đã ngừng thì trẻ mồ côi để cho ai nuôi?

Khởi đầu, năm 1923, TS Khánh Hòa, với sự công tác của TS Thiện Chiếu, một già, một trẻ, cùng các Tôn túc miền Tiền Giang và Hậu Giang thành lập hội **Lục Hòa Liên Hiệp**, bước đầu để vận động tiến tới thành lập **hội Phật Giáo Việt Nam Toàn Quốc**.

Năm 1927, nhân thấy, qua báo chí, ngoài Bắc có người đặt vấn đề phải có một tổ chức Phật giáo cho cả nước, TS Khánh Hòa cử TS Thiện Chiếu ra Bắc vận động thành lập hội Phật Giáo Toàn Quốc, nhưng việc không thành.

Năm 1928, TS Khánh Hòa cùng TS Thiện Chiếu và một số TS khác bắt đầu vận động tổ chức Thích Học Đường và Phật Học Thư Xã để đào tạo tăng tài. Đến ngày 12.8.1929, TS Khánh Hòa lại ra tờ báo **Pháp Âm** là tờ báo Phật giáo đầu tiên bằng chữ quốc ngữ.

Không đồng ý với đường lối của báo, TS Thiện Chiếu vận động xuất bản một văn tập lấy tên là **Phật Hóa Tân Thanh Niên** nhằm giới trí thức.

Tên của tờ văn tập tự nó cũng cho ta biết TS Thiện Chiếu đã bắt đầu chuyển hướng đi (Thời đó, các tổ chức thanh niên chịu ảnh hưởng Mác xít thường lấy tên "Tân thanh niên"). Có lẽ lúc này, TS Thiện Chiếu còn do dự, chân trong chân ngoài. Cái cũ đã quen, nhưng vướng nặng nhiều khó khăn, thất vọng. Cái mới chưa tới, nhưng chính vì vậy mới có được nhiều hứa hẹn tương lai huy hoàng.

1. Hội Nam Kỳ Phật Học

Năm 1931, TS Khánh Hòa đứng ra thành lập hội **Nam Kỳ Phật Học**, ra tờ báo **Từ Bi Âm** (1.3.1932). Trong thời gian này, tuy đường lối đã khác nhưng TS Thiện Chiếu vẫn còn tiếp tục cộng tác với TS Khánh Hòa.

Do mâu thuẫn nội bộ, Thích học đường được xây cất nhưng mãi không được khai giảng.

2. TS Khánh Hòa và Hội Lương Xuyên Phật học.

Nóng lòng về việc đào tạo tăng tài, năm 1933, TS Khánh Hòa từ chức chủ bút báo Từ Bi, rút về chùa Long Hòa, tổ chức Phật học đường lưu động lấy tên là Liên Đoàn Phật Học Xã. thu nhận khoảng 50 vị học tăng,

Nhưng sau 3 khoá, trường phải đóng cửa vì không đủ tài chính.

Năm sau, TS Khánh Hòa thành lập hội **Lưỡng Xuyên Phật học (1934)**. Ngay cuối năm đó, Phật học đường Lưỡng Xuyên được khai giảng. Trường thu nhận cả tăng sinh lẫn ni sinh, ni sinh được tổ chức thành lớp riêng.

Hội xuất bản sách Phật Học Giáo Khoa bằng hai thứ tiếng Việt và Hán và ra báo Duy tâm.

Hội Lưỡng Xuyên Phật học có nhiều liên hệ với An Nam Phật Học ngoài Huế và Sơn môn Thừa Thiên. Hội lựa người xuất sắc gửi ra Huế học tại các trường của các tổ chức trên.

Cuối năm 1941, Phật học đường Lưỡng Xuyên phải đóng cửa vì lý do tài chính.

Năm 1947, TS Khánh Hòa viên tịch.

3. TS Thiện Chiếu, Hội Phật Học Kiêm Tế và Tạp chí Tiến Hóa

TS Thiện Chiếu, sinh năm 1898 tại Gò Công, Tiền Giang. Su xuất gia từ nhỏ, hoạt bát, năng động, được học chữ Hán và chữ Quốc ngữ tại chùa, tự học chữ Pháp.

Có lẽ ông chịu ảnh hưởng rất nhiều của "tân thư", "tân văn" Trung Quốc. Chính những loại sách báo này đã giúp ông tìm học "Duy vật biện chứng pháp", cũng như thu tập những lý lẽ để tranh luận trên báo chí thời bấy giờ. Ông đã dịch "vô thần luận" của Thái Hư Đại sư sang tiếng Việt.

Không đồng ý với lập trường của **Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật học**, cũng như **Lưỡng Xuyên Phật học**, vào khoảng năm 1929, Thiện Chiếu đã thất vọng nhiều về đạo Phật và bắt đầu tìm con đường khác.

Ông cởi áo tu, không rõ từ năm nào, nhưng vẫn còn sinh hoạt trong môi trường Phật Giáo.

Năm 1937, Thiện Chiếu cùng TS Trí Thiên thành lập hội **Phật Học Kiêm Tế** tại Rạch Giá, lấy chùa Tam Bảo làm trụ sở, và ra tờ báo **Tiến Hóa**.

Hội Phật học kiêm tế chủ trương mở Cô nhi viện, lớp học bình dân, phòng thuốc miễn phí, cứu trợ nạn nhân thiên tai... Cả một chương trình to lớn. Thiện chí có thừa, nhưng chuyện tài trợ chương trình về lâu dài không hẳn là dễ! Nhất là song song, những người chủ trương lại đang chuẩn bị một cuộc cách mạng bạo động.

Tờ báo **Tiến Hóa** tuyên bố rằng tất cả các học thuyết có tính cách từ bi bác ái đều được xem là Phật Pháp cả, những khái niệm cơ bản của đạo Phật được tờ báo lồng một nội dung **duy vật biện chứng Mác xít**¹⁵

Năm 1941, Mật thám Pháp phát hiện xưởng chế tạo vũ khí trong chùa, sư Trí Thiên bị bắt, đày đi Côn Đảo, Thiện Chiếu trốn thoát, chùa Tam Bảo bị đóng cửa.

Thiện Chiếu tiếp tục hoạt động cách mạng.

Năm 1943 bị bắt, đày ra Côn Đảo.

Năm 1945 thời cách mạng tháng tám, Thiện Chiếu được đón về đất liền.

¹⁵ Xem Nguyễn Lang, sđd, tr. 70

Năm 1954 tập kết ra Bắc với một người con trai. Hai người con khác còn ở lại miền Nam thì một thành y sĩ trong quân đội miền Nam, một là giáo sư dạy anh văn.

Năm 1974 Thiện Chiếu qua đời.

B - Hội An Nam Phật Học ở Trung Kỳ

Đạo Phật tại Trung Kỳ có một nền tảng vững chắc, quy tụ được nhiều cao tăng, là những vị thuộc tổ đình tại xứ, hay những danh tăng được mời về thuyết giảng, được sự hỗ trợ của vua quan, các nhà quyền quý, và nói chung quần chúng lại thuần thành.

Người đứng ra khởi xướng phong trào Chân hưng PG là TS Giác Tiên cùng các đệ tử như TS Mật Khế, cư sĩ Lê Đình Thám. Cư sĩ Lê Đình Thám được giao cho trách nhiệm soạn dự thảo điều lệ của An Nam Phật Học, rồi trình lên chư tôn đức.

Năm 1932, Hội An Nam Phật Học ra đời. TS Giác Tiên làm chứng minh đạo sư, Cư sĩ Lê Đình Thám làm hội trưởng. Hội được sự hậu thuẫn của các bậc tôn túc các tổ đình và sự cộng tác của các tăng ni xuất sắc thời đó như Mật Khế, Mật Nguyễn, Đôn Hậu, Trí Độ, Trí Thủ, Mật Thê, Diệu Hương và Diệu Viên.

Theo Sư bà Diệu Không, việc xin giấy phép lập hội của Hội An Nam Phật Học cũng gặp một vài trắc trở: Quan đầu triều Nguyễn Hữu Bài, vốn theo đạo Thiên Chúa, chần chừ không chịu ký giấy phép. Hội phải nhờ Hoàng Thái Hậu can thiệp với vua Bảo Đại. (xem "*Hội ký của Sư Bà Thích Nữ Diệu Không*":

http://chimvie3.free.fr/61/hdds_HoiKySuBaDieuKhong_061.htm)

Chương trình ưu tiên của hội là chỉnh lý tăng chế và đào tạo tăng tài.

Cư sĩ được khuyến khích tham gia vào công cuộc chỉnh lý tình trạng tăng sĩ.

Về mặt đào tạo tăng tài, hội **thành lập các lớp Phật học** cho tăng sĩ trẻ tuổi. Nhiều vị lãnh đạo xuất sắc sau này của Phật Giáo Việt Nam được đào tạo tại đây. Năm 1943, Trường An Nam Phật Học thi tốt nghiệp. Trong số 50 học tăng, chỉ có 6 vị đủ điểm trong đó có: Võ Tường (sau này: Thích Thiện Siêu), Phạm Quang (Thích Trí Quang), Nguyễn Văn Bình (Thích Trí Tịnh), Đỗ Xuân Hàng (Thích Thiện Minh), Trần Trọng Thuyên (Thích Trí Thuyên), Nguyễn Chí Quang.¹⁶

Tạp chí của hội lấy tên là "**Viên Âm**", số đầu ra ngày 1.12.1933.¹⁷

Trong quyền "Nghị thức Tụng Niệm của Annam Phật-Học-Hội", mỗi bài kinh đều được ghi chép dưới cả 3 hình thức: a) được dịch hoàn toàn ra chữ Việt, b) vẫn còn giữ lời Hán nhưng phiên âm bằng Quốc ngữ, c) viết bằng mẫu chữ Hán.

¹⁶ Xem Nguyễn Lang, sdd, tr. 108

¹⁷ Tại Huế, "*Có những chùa và những Phật tử tại gia cũng như xuất gia không chịu gia nhập cuộc cách mạng tôn giáo của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam nên họ đã gọi những người chấp nhận cuộc cách mạng tôn giáo đó là Thầy Cô chùa Hội, Phật tử chùa Hội...*" (Hoàng Nguyên Nhuận, Phật Đản 63, Chuyển Luân, Số Phật Đản 2621, Cộng Đồng Phật Tử Việt Nam Úc Châu, 1997, trang 27)

Nhân vật tiêu biểu của phong trào Chấn Hưng ở miền Trung là Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám.

Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám (1897-1969).

Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám sinh năm 1897 tại Quảng Nam. Ông tốt nghiệp Y sĩ Đông Dương năm 1916, và năm 1930, đậu Y khoa Bác sĩ, ngạch Pháp quốc, tại Hà Nội.

Ông quy y với TS Giác Tiên ở Huế, pháp danh là Tâm Minh.

Năm 1932, Hội An Nam Phật Học ra đời. Ông làm Hội trưởng và các Hòa thượng trong Ban Chứng minh là cố vấn cho Hội. Ngoài việc điều hành tổ chức, Ông tham gia giảng dạy tại các trường học đào tạo tăng tài.

Năm 1940, Ông quy tụ một số thanh niên trí thức tân học tại Huế và thành lập đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục. Nhóm thanh niên này được nghe giảng dạy đạo Phật theo đường lối tân học. Đoàn ca của họ bằng tiếng Pháp.

Vào khoảng thời gian đó, Lê Đình Luân (con trai ông) và Lê Lừng (thư ký của ông), tổ chức những thanh thiếu niên thường tụ họp nghe kinh, lễ Phật tại nhà ông thành **Gia Đình Phật Hóa Phổ**, sinh hoạt theo hình thức Hướng đạo. Gia Đình Phật hóa Phổ phát triển, về sau đổi tên là Gia Đình Phật Tử.

Từ năm 1947 đến 1949 ông làm chủ Tịch Ủy ban Hành chánh Kháng chiến miền Nam Trung bộ.

Mùa hè năm 1949, ông tập kết ra Bắc.

Năm 1961, toàn bộ kinh Lăng Nghiêm mà ông đã dày công phiên dịch và chú giải trong nhiều năm, được hoàn tất và xuất bản tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Sau đó, sách được gia đình ông tái bản lưu hành rộng rãi ở miền Nam.

Trong những năm ở Bắc, ngoài ngày giờ làm việc, ông thường đến chùa Quán Sứ để dịch kinh và giảng kinh, hướng dẫn việc tu học giúp nhà chùa.

Ông qua đời ngày 23-4-1969 tại Hà Nội

C - Hội Phật Giáo Bắc Kỳ

Bắc Kỳ Phật Giáo Hội được thành lập năm 1934, suy tôn TS Thanh Hanh làm Thiên Gia Pháp Chủ.

Năm 1935 **Ban Khảo Cứu Phật Học** được thành lập (16.1.1935) do **Trần Trọng Kim** là trưởng ban quy tụ rất nhiều nhà văn, học giả có tên tuổi như **Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Văn Giáp, Lê Dur, Bùi Kỳ, Nguyễn Trọng Thuật v.v...**

Cuối năm đó (10.12.1935) tuần báo **Đức tuệ** ra số đầu tiên. Trần Trọng Kim làm trưởng ban biên tập, cư sĩ Nguyễn Trọng Thuật làm thư ký tòa soạn.

Ban biên tập gồm một số cư sĩ có tên tuổi như **Dương Bá Trạc, Bùi Kỳ, Trần Văn Giáp, Nguyễn Can Mộng...**, và các tăng sĩ: thượng tọa **Thái Hòa, Tố Liên, Trí Hải...**

Hà Nội thời ấy là thủ đô văn hóa của đất nước. Đứng về phương diện văn học dân tộc, hội Bắc Kỳ Phật Giáo và báo **Đuốc Tuệ** đã đóng góp một phần rất đáng kể.

Đuốc Tuệ đình bản vào tháng 8.1945.

Về đào tạo tăng tài

Hội Bắc Kỳ Phật Giáo mở trường **Tiểu học, Trung học và Đại Học** để đào tạo tăng ni.

Về công tác xã hội, và chủ trương Nhân Gian Phật Giáo

Trong **Đuốc Tuệ**, cư sĩ **Nguyễn Trọng Thuật** viết một loạt bài với tiêu đề "**Nhân Gian Phật Giáo**" bàn về việc thể hiện đạo Phật trong đời sống nông thôn. Ông cũng chủ trương, người Phật tử nên làm lễ kết hôn trước cửa Phật.

Cư sĩ **Nguyễn Văn Cảnh** đề nghị tất cả các vị tăng sĩ trú trì các tu viện sử dụng một hành lang ở chùa mình để làm ký nhi viện (crèche).

Thiền sư Thích Thanh Đặc tuyên bố rằng tăng sĩ không nên sống trên sự cung dưỡng của tín đồ mà phải chọn một "sinh nghiệp của xã hội" để tự nuôi sống mình và hành đạo.

Nhân vật tiêu biểu cho Phật Giáo Bắc Kỳ là Thiền Chử Nguyễn Hữu Kha

Thiền Chử (1902-1954)

Tuổi thơ

Ông tên thật là **Nguyễn Hữu Kha**, xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo ở ngoại ô Hà Nội. Cha của ông, vì tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục nên bị đày đi Côn Đảo.

Ông kể về tuổi thơ của mình: "*Nhà nghèo quá, chị em tôi 7-8 tuổi đã phải chăn bò cắt cỏ, gánh nước, thổi cơm nấu cám, 10 tuổi tát nước, 12 tuổi cày bừa. Năm tôi 13 tuổi, bố bị giặc Pháp bắt, được hai tháng thì mẹ sinh con thứ 8. Để được ba ngày mẹ đã phải đi làm đồng*".

16 tuổi, Hữu Kha một mình xuống Đồ Sơn bán thuốc Nam và bánh kẹo kiếm sống. Vì tin người nên mất hết vốn, ông phải làm phu kéo thuyền, đẩy xe, thậm chí đi ăn xin.

Trở thành cư sĩ

Cuối năm 1920, cha của ông ra tù, ông về giúp cha mở hiệu thuốc. Ông học chữ Hán với bà Nội và bác ruột. Ông tự học tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Nhật

Đi sâu nghiên cứu Phật giáo, năm 1932-1933 ông cho ra đời bản dịch *Khóa hư lục*.

Năm 1934, Thiền Chử nhận lời làm **quản lý** và **biên tập** cho báo **Đuốc tuệ**.

Ông cũng tham gia thành lập **Hội truyền bá quốc ngữ** (1938).

Cùng bà Cả Mộc (Hoàng Thị Uyển), ông sáng lập **Hội Tế Sinh (1936)**. Gặp khi hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang bị lụt nặng (1937), hội đã đi cứu tế ba tháng liên tục cho đến lúc lúa chín.

Khi trường Phật học Phổ Quang được mở (1941), ông đảm nhận việc dạy chữ Hán, giảng kinh và chủ trì các khóa lễ mà nhiều học viên sau này trở thành các bậc tu hành có uy tín .

Năm 1945, ngay sau Cách mạng tháng Tám, Ông được mời tham gia chính phủ lâm thời nhưng ông không nhận

Năm 1946 ông cùng một lớp học tăng ni và một số trẻ mồ côi hội Tế Sinh đi theo kháng chiến chống Pháp, tham gia lao động sản xuất, giáo dục, viết và dịch sách.

Tự vẫn

Năm 1954, Trong Cải cách ruộng đất, Thiệu Chử bị quy là địa chủ và bị đối xử tàn nhẫn. Bị vu cáo, cộng với sự thương cảm cho nhiều nông dân bị hàm oan trong Cải cách ruộng đất mà cảm thấy mình bất lực, ông đã tự vẫn ngày 15 tháng 7 năm 1954.

Trước tác đồ sộ

Thiệu Chử để lại 93 tác phẩm viết và dịch. Ngoài bộ *Hán Việt tự điển* có giá trị vượt thời gian, ông còn dịch 14 bộ kinh căn bản của đạo Phật

D - Phong trào Thanh Thiếu niên Phật tử

1. Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục

Năm 1940, Tâm Minh Lê Đình Thám quy tụ một số thanh niên trí thức tân học tại Huế và thành lập đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục do chính ông hướng dẫn. Những thanh niên này không học Phật pháp bằng văn bản Hán văn nữa. Họ được nghe giảng dạy đạo Phật theo đường lối tân học. Tuy nhiên họ cũng được học Nho học và Lão học. Sau này, chính những đoàn viên sẽ là những người hướng dẫn của gia đình Phật Hóa Phổ.

Bài ca chính thức của đoàn được soạn bằng tiếng Pháp.

Năm 1942, đoàn đã soạn một cuốn sách căn bản về Phật học đề giáo dục thanh thiếu niên có tựa là "Phật Giáo Sơ Học".

Bắt đầu từ số 48 (xuất bản tháng 5-1942) trở đi, hầu hết mọi bài của Viên Âm đều do đoàn Phật Học Đức Dục viết.

Đoàn lại tổ chức Phật Học Tùng Thư và xuất bản nhiều sách Phật.

2. Gia Đình Phật Hóa Phổ / Gia Đình Phật Tử¹⁸

a. Ở miền Trung , Từ 1932, những tổ chức thanh thiếu niên thiếu nữ đã có mặt rồi. Đó là Ban Đồng Ấu do An Nam Phật Học Hội tùy cơ thành lập , chỉ ra mắt được 3 dịp : Lần thứ nhất là nhân Đại lễ Phật Đản ở Huế năm 1935, lần thứ nhì vào dịp tiếp rước ông Goddard là dân biểu đảng Xã Hội thời Mặt Trận Bình Dân, và lần thứ ba nhân dịp đám tang thầy Mật Khê. Ban Đồng Ấu chỉ có tính cách địa phương, không có tính cách chính thức.

¹⁸ Xem Lê Lùng : " Những ngày đầu của Gia Đình Phật Hóa Phổ " , hồi ký của Lê Lùng, Hồ Phùng sưu tầm, Website Người Cư Sĩ, <http://cusi.free.fr/lsp/gdpt/gdpt051.htm>

Gia đình bác sĩ Tâm Minh lúc bấy giờ, có lẽ là đến sáu giờ chiều, anh em trong nhà tập trung cùng các bạn nhỏ trong xóm, tụng kinh lễ Phật.

Vào khoảng năm 1940, Lê Đình Luân con của bác sĩ Lê Đình Thám và Lê Lùng, thư ký riêng của bác sĩ, cùng là hướng đạo sinh, thấy anh em tụ họp tại nhà khá đông nên có ý kiến từ đó lập một **đoàn hướng đạo Phật tử**. Bác sĩ Lê Đình Thám chấp thuận, nhưng không để danh xưng là hướng đạo Phật tử, mà là **gia đình Phật hóa phổ**, lấy pháp danh của gia trưởng làm tên đơn vị, do đó đơn vị đầu tiên này có tên là gia đình Phật Hóa phổ Tâm Minh.

Cho đến năm 1943, lần lượt các Gia Đình Phật Hóa Phổ khác được thành lập tại Huế như Gia Đình Phật Hóa Phổ Tâm Lạc, do Phạm Quang Thiện làm Phổ Trưởng; Gia Đình Phật Hóa Phổ Thanh Tịnh, do Tôn Thất Tùng làm Phổ trưởng....

Gia Đình Phật Hóa Phổ có Điều lệ và Ban Điều Hành đầu tiên đã được thành lập vào ngày 14-3-1943¹⁹

Cho đến năm 1945, có nhiều đơn vị đã được thành lập tại cố đô Huế và lân cận, nhưng đều phải ngưng hoạt động

Đến năm 1947, dân chúng đã hồi cư tạm ổn. Hội Phật Giáo Việt Nam Trung Phần hoạt động lại, các Gia Đình Phật Hóa Phổ theo đó được thành lập.

Gia Đình Phật Hóa Phổ đã tổ chức một đại hội ở Huế từ ngày 26 đến 28-5-1947, ngày chót đã bầu **Ban Hướng Dẫn Lâm Thời Gia Đình Phật Hóa Phổ** thuộc Hội Phật Giáo Việt Nam Trung Phần, với những Cố Vấn Giáo lý : Thích Minh Châu, Thiên Ân, Đức Tâm, Chân Trí và Trưởng Ban Hướng Dẫn là Võ Đình Cường

b. Ngoài Bắc, tại chùa Quán Sứ Hà Nội, vào năm 1947-48 Thượng Tọa Tố Liên đã lập tại chùa Quán sứ một Cô Nhi Viện để nuôi dạy 200 trẻ mồ côi, vừa dạy chữ, vừa dạy nghề cho các em, để tiện điều hành, các em được chia thành Toán và Đoàn, hàng ngày các em có giờ tụng kinh vào buổi sáng và tối.

Cũng tại chùa Quán sứ, có trường tiểu học Khuôn Việt do giáo sư Nguyễn Ngọc Quỳnh làm hiệu trưởng. Thượng tọa Tố Liên cũng tổ chức học sinh trường Khuôn Việt thành Đoàn, mỗi sáng chủ nhật học sinh đến chùa lễ Phật và được hướng dẫn các bài hát, hoạt động thanh niên, dần dần tiến đến việc hình thành Gia Đình Phật Hóa Phổ Minh Tâm.

¹⁹ Lê Lùng đã kể lại như sau:

" Hồi đó, học sinh, kể cả người lớn, những câu chuyện trao đổi thường ngày với nhau hay chen vào tiếng Pháp như toi, moi, vous v.v... Chúng tôi (Gia đình Phật Hóa Phổ) định rằng đã dùng tiếng Pháp thì phải nói cho hết câu, còn câu tiếng mẹ đẻ không được chen vào tiếng Pháp, trừ những tiếng đã Việt hóa từ lâu. Mỗi anh em chúng tôi đều giữ một cuốn sổ, ghi việc thiện và ghi lỗi nói hai thứ tiếng. Việc này thực hành trong tinh thần tự giác. Trong buổi họp hàng tuần, đem ra kiểm lại, xem như điểm "thi đua". (...)

"... Vào những Năm 1930, 1940, đa số người muốn hát cho vui, đều hát theo bài hát tiếng Pháp. Người lớn thì Madelon, J'ai deux amours... Bạn trẻ như hướng đạo sinh thì Chanson D'alouette, Frère Jacques v.v... đến như bài hát chánh thức của hướng đạo cũng bằng tiếng Pháp (Si nous voulons être forts v.v...), cho đến ngày họp hướng đạo toàn quốc tại Huế (hình như là Tứ Tây, tôi quên) trường Tạ Quang Bửu mới cất tiếng hát "Muốn nên người cường tráng ngày nay..." trước mặt vua Bảo Đại, khăn đóng vàng, áo dài vàng đến dự lễ, bắt đầu cho những bài hát bằng tiếng mẹ đẻ cho hướng đạo sinh.

("Những ngày đầu của Gia Đình Phật Hóa Phổ", hồi ký của Lê Lùng, Hồ Phùng sưu tầm)

Tháng 11 năm 1950 cư sĩ Đặng Văn Khuê thành lập Gia Đình Phật Hóa Phổ Thiện Tuệ. Sau đó các Gia Đình Liên Hoa (Hải Phòng), Phả Quang, Minh Đạo và Từ Quang được thành lập.

c. Trong Nam, sớm nhất là vào năm 1950, Gia Đình Phật Hóa Phổ Chân Tri Sài Gòn được thành lập tại chùa Sùng Đức ở Chợ Lớn, sau dời về chùa Phật Quang đổi danh hiệu là Gia Đình Phật Tử Chánh Giác .

d. Đại hội Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử toàn quốc lần thứ nhất :

Do Gia Đình Phật Hóa Phổ đã lan rộng ra các tỉnh miền Trung, để được thống nhất về tổ chức, tu học, sinh hoạt nên Gia Đình Phật Hóa Phổ thuộc Hội Phật Giáo Trung Việt được triệu tập tại chùa Từ Đàm vào các ngày **24, 25, 26-4-1951** với sự tham dự của các **Huynh Trưởng 9 tỉnh miền Trung** là Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Thuận, Di Linh, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng và một **Phái đoàn dự thính của các Huynh Trưởng miền Bắc**.

Đại Hội này đã thay **đổi danh xưng Gia Đình Phật Hóa Phổ ra Gia Đình Phật Tử Việt Nam**, về sau Đại hội này được gọi là **Đại Hội Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử** toàn quốc lần thứ nhất.

Vào dịp Hè năm 1951 - sau đại hội Phật Giáo thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam vào các ngày 6, 7, 8-5-1951 - một trại huấn luyện Huynh Trưởng Kim Cang do Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Hóa Phổ tổ chức tại Huế, đây là trại huấn luyện Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam đầu tiên, trại sinh tham dự gồm có Huynh Trưởng các tỉnh miền Trung, miền Bắc và miền Nam. Những người tham dự chính là **hạt nhân để phát triển Gia Đình Phật Tử toàn quốc sau này**.

E. Cách mạng tháng Tám

Năm 1946, trong kháng chiến, tại miền Trung, một số Phật tử ra một tờ báo Phật học, lấy tên là Giải Thoát.

Tại Hà Nội, một số Phật Tử xuất bản tạp chí Tinh Tiến.

Cả hai báo đều chết yểu, không ra được quá 10 số.

F. Tổng hội Phật giáo Việt Nam

Năm **1951**, 6 tổ chức ba miền họp tại Chùa Từ Đàm-Huế thành lập **Tổng hội Phật giáo Việt Nam** là tổ chức thống nhất, do **Hòa thượng Thích Tịnh Khiết** chùa **Tường Vân làm Hội trưởng**.

Năm **1952**, các tổ chức tăng già của ba miền đất nước họp tại chùa Quán Sứ-Hà Nội để thành lập Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc. Đại hội bầu một tổng trị sự và suy tôn Hòa thượng Thích Tuệ Tạng ở miền Bắc làm Thượng Thủ.

Tuy nhiên Tổng hội chỉ là một tổ chức hình thức, không có quyền điều hành kiểm soát. Mỗi hội vẫn hoạt động riêng biệt.

Bên ngoài Tổng hội Phật giáo Việt Nam vẫn còn những tổ chức Phật giáo khác hoạt động.

Kết

1920-1952, một chặng đường dài 30 năm, các sơn môn rời rạc của ba miền đất nước đã kết hợp thành một giáo hội có tổ chức, có chi nhánh bắt rễ tại mọi địa phương, mọi thị thành, có những đội ngũ thanh thiếu niên, áo Lam, huy hiệu hoa sen trắng, làm nòng cốt cho mọi tổ chức lễ lạc hay những sinh hoạt chùa chiền, cứu tế...

Ngày xưa, người ta đi chùa lễ Phật rầm rập vào những ngày lễ, ngày hội, vậy mà nhà văn Hải Triều xem như không có ai. Với ông, có lẽ chỉ khi thành tổ chức mới được gọi là có. Không có cái cá nhân, chỉ có cái tập thể.

Năm 1952, tổ chức đã thành hình, tập thể đã có, nhưng để làm gì ?

Bình thường là để làm phương tiện tu hành cho tứ chúng, và có lẽ chỉ nên như vậy. Nhưng có những khi không dừng, như tại miền Nam năm 1963, phải đứng ra cẳng đáng chuyện khác. Câu hỏi cũng luôn luôn được đặt ra: đâu là giới hạn cuộc việc làm?

Năm 1954, đất nước chia đôi.

Tại miền Bắc, các Thiền Sư Tuệ Tạng, Tố Liên, Trí Hải kiên trì bảo vệ các cơ sở Phật Giáo, nhưng nói chung, các sinh hoạt hành đạo gặp nhiều trở ngại.

Tại miền Nam, phong trào Phật giáo tiếp tục phát triển, củng cố tổ chức với các trường Bồ Đề, với đại học Vạn Hạnh, các cơ sở văn hóa, báo chí, cứu tế v.v... Nhưng cũng gặp nhiều nghịch duyên.

Năm 1963, Thiền sư Quảng Đức tự thiêu thời Pháp nạn.

Vào những năm 60-70, Thiền sư Nhất Hạnh viết sách "Nói với tuổi hai mươi", "Đạo Phật Hiện Đại Hóa", "Hoa sen trong biển lửa", gây dựng phong trào "Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội"

Ngày nay, tại xứ ta, chùa nhiều, chùa lớn nhưng ... lớn quá.

Sư sãi đông nhưng hỗn tạp.

Bên cạnh những trung tâm tu hành nghiêm chỉnh, khắp nơi nhan nhản những nơi buôn thần bán thánh. Qua các mạng lưới điện tử, người ta còn thấy ông sư hát tình ca, Phật tử nhí nhảnh uốn éo nhảy múa trong chính điện.

Phải chăng đã đến lúc nên có một cuộc Chấn Hưng thứ hai ?

Lại Như Bằng

Phiên bản 19/03/2016

thêm cuối bài: danh sách trại viên trại Kim Cang GPĐTVN 1951

Tham khảo

1. Trần Văn Giàu : *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng tám - Tập II* , NXB KHXH , Hà Nội , 1975
2. Nguyễn Lang : *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận - III* , NXB Văn Học, Hà Nội, 1994
3. Colonel Maurice RIVES - "*Les militaires indochinois en Europe (1914-1918)*" - http://www.anai-asso.org/NET/document/anai/historique/les_militaires_indochinois_en_europe_19141918/index.htm
4. Pháp sư Thánh Nghiêm : "*Lịch sử Phật Giáo Thế Giới* " *Tập II - tr 622*
5. Thích Nhật Quang: "*Tiểu sử Đại sư Thái Hư (Theo Hải Triều Âm Xã)* " , <http://quangduc.com>
6. Ngụy Đạo Nho : "*Phật giáo Trung Quốc và Xã hội hiện đại: Vai trò của Thái Hư Đại sư và HT Ấn Thuận*" - Nguyễn Hiệp dịch (<http://thuvienhoasen.org>)
7. Hồi ký của Sư Bà Thích Nữ Diệu Không : http://chimvie3.free.fr/61/hdds_HoiKySuBaDieuKhong_061.htm)
8. Hoàng Nguyên Nhuận, Phật Đản 63, Chuyên Luận, Số Phật Đản 2621, Cộng Đồng Phật Tử Việt Nam Úc Châu, 1997, trang 27)
9. Lê Lùng : "*Những ngày đầu của Gia Đình Phật Hóa Phổ* " ,Website Người Cư Sĩ, <http://cusi.free.fr/lsp/gdpt/gdpt051.htm>

**Trại Huấn Luyện Huỳnh Trường GDPTVN đầu tiên
Năm 1951 tại Huế**

Trại Kim Cang

&

Ban Trại Trưởng

Thầy Minh Châu (Cố Vấn)

Anh Nguyên Hùng Võ Đình Cường (Trại Trưởng)

Chị Tâm Chánh Hoàng Thị Kim Cúc

Anh Hồng Liên Phan Cảnh Tuân (Trại Phó)

Anh Nguyên Phương Hoàng Trọng Cang

Anh Tâm Đại Lê Văn Dũng

Anh Lê Cao Phan

Anh Nguyên Y Lương Hoàng Chuẩn

Anh Nguyễn Hữu Ba

Anh Tâm Thiệt Nguyễn Xuân Quyền

Danh Sách Trại Viên

A.- Miền Trung:

1. Anh Lữ Hồ Nguyễn Minh Hiền
2. Anh Phạm Mạnh Cường
3. Anh Tâm Chánh Trần Kim Đạt
4. Anh Đỗ Kim Bằng
5. Anh Tôn Thất Đường
6. Anh Mai Quang Tích
7. Anh Mai Khắc Thuận
8. Anh Hoàng Anh Cung
9. Anh Tâm Huệ Cao Chánh Hựu
10. Anh Tâm Vinh Đoàn Văn Lộc
11. Anh Nguyễn Văn Bông
12. Anh Tôn Thất Ái Huyền
13. Anh Lê Bá Ngữ
14. Anh Nguyên Ngô Nguyễn Sĩ Thiều

15. Anh Dương Xuân Dưỡng
16. Anh Thiện Hiền Dương Xuân Nhơn
17. Anh Nguyễn Thế Phong
18. Chị Hoàng Thị Quý
19. Chị Hoàng Thị Khương
20. Chị Hoàng Thị Ninh
21. Chị Bành Thị Diêu
22. Chị Hoàng Tuy An
23. Chị Nguyễn Thị Cúc
24. Chị Ngô Thị Bụt
25. Chị Tôn Nữ Huệ
26. Chị Nguyễn Thị Đoàn
27. Chị Lê Thị Diễm Thuần
28. Chị Nguyễn Thị Tranh
29. Chị Cao Thị Xuân Yến

B.- Miền Bắc:

30. Anh Tâm Thiết Trần Thái Hồ tự Lê Vinh
31. Anh Thông Phương Đặng Văn Khuê
32. Anh Chân Quang Trần Thanh Hiệp

C.- Miền Nam:

33. Anh Nhật Minh Nguyễn Hữu Huỳnh

Danh sách này do Trương Hoàng Trọng Cang ghi
nguồn : <http://www.ahvinhnghiem.org/TraiKimCang1951.html>